

HỢP TÁC XÃ DIÊN AN TỪ MẮT TRẮNG ĐẾN ĐƯỢC MÙA LỚN

NGUYỄN KHA

HỢP tác xã Diên An (Diên Khánh, Phú Khánh) có 941 hộ với 6000 nhân khẩu, trong đó số lao động chính là 2300, nhưng lao động nông nghiệp chỉ chiếm 1/3 (trước khi thành lập hợp tác xã), còn 2/3 làm nghề buôn bán và các nghề tự do khác. Hợp tác xã có 192 hec ta ruộng, 30 hec ta đất trồng màu và 93 hec ta đất vườn; hệ thống thủy lợi tưới tiêu nước tương đối chủ động (kể cả bơm tát); sức kéo tạm đủ với 32 máy cày (9-12 sức ngựa), 1 xe tải 3,5 tấn, 6 xe khách, 8 xe ngựa, 10 xe trâu, bò. Hợp tác xã còn có lò gạch có thể sản xuất từ 2 đến 3,5 triệu viên/năm, 1 lò vôi, 1 xưởng mộc, 1 trại nuôi lợn, 1 vườn thuốc Nam, 1 đội xây dựng cơ bản...

Nhưng mặt khác, khó khăn lớn của Diên An là người đông, đất ít, bình quân diện tích canh tác trên đầu người quá thấp, số lao động nông nghiệp chiếm tỷ lệ quá cao—2/3 trong tổng số lao động của hợp tác xã. Đồng ruộng lại chen lấn nhà cửa, vườn tược, mặt bằng quá chênh lệch, chất đất không đồng đều, nơi thì chua, trũng yếm khí, nơi lại pha cát quá nhiều, khó giữ nước.

Khó khăn vấp phải trước tiên của Diên An là mất mùa nặng ngay từ năm đầu. Vụ 3 năm 1978, cấy 156 hec ta chỉ thu hoạch 129 tấn thóc (lẽ ra là 700 tấn theo kế hoạch); vụ 8 làm 192 hec ta thu hoạch chưa được 90 tấn thóc! Như vậy, năm 1978, 2 vụ lúa coi như mất trắng.

Với quyết tâm cao của đảng bộ, chính quyền cấp xã, huyện thể hiện trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện, với sự tập trung giúp đỡ có thực hiệu lực của Ủy ban khoa học và kỹ thuật tỉnh, cùng với Ty nông nghiệp và một số ngành khác, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể xã viên, qua một năm lao động sản xuất, đã dần dần đưa Hợp tác xã Diên An đến những thay đổi

căn bản. Trên toàn bộ diện tích canh tác của hợp tác xã, 3 vụ lúa năm 1979, Diên An đạt bình quân 8,5 T/ha; lợn 5 con/ha canh tác, tăng gấp đôi so với đầu năm 1979. Diên An trở thành « quê hương 8-9 tấn » của Phú Khánh, hoàn thành nghĩa vụ lương thực vượt mức cao nhất tỉnh, chẳng những trả hết nợ cho ngân hàng mà còn khả năng tương trợ các hợp tác xã bạn gặp khó khăn về lương thực.

Trong phạm vi một bài báo, chúng tôi chỉ có thể trình bày một số vấn đề về nề nếp quản lý kỹ thuật, các chủ trương, biện pháp kỹ thuật đã áp dụng 3 vụ sản xuất lúa của hợp tác xã Diên An năm vừa qua.

Vụ 3-1970

Qua kinh nghiệm sản xuất năm 1978, hợp tác xã nhận thấy muốn đưa năng suất lên, việc trước tiên là phải giải quyết sâu bệnh và đã tập trung vào 2 khâu quyết định:

1. Chuyển thời vụ, tránh các cao điểm rầy nâu phá hoại.

Với cơ cấu giống cũ cho 2 vụ lúa (TN 73-2, NN8, IR 26, TN 20), hợp tác xã chưa có giống kháng rầy có hiệu lực cao. Nếu kéo dài thời vụ như trước đây thì đến lúc lúa trổ rộ sẽ rơi vào cao điểm rầy tháng 3-4 và 7-8-9 hàng năm. Hợp tác xã quyết định đưa vụ 8 lên trước một tháng, như vậy vụ 3 cũng phải trước một tháng, vừa tránh được rầy vừa rút ngắn thời gian, nghĩa là phải có trả lúa cấy trước « cây lứt » 23 tháng 10 âm lịch. Muốn vậy phải tính toán và quản lý chặt chẽ thời gian đi đôi với kiên trì đấu tranh thuyết phục, mở ra một cuộc thảo luận thông suốt tư tưởng trong xã viên, nhất là trong các cụ, các « lão

nông tri diện». Hợp tác xã còn phải tích cực giải quyết hàng loạt vấn đề: chuẩn bị vùng chuyên mạ, nắm lại tình hình nước lên xuống của từng vùng ruộng, từng đôi sản xuất (từ đó trích ra vùng chuyên mạ), nếu có lụt lớn cũng chỉ ảnh hưởng nhẹ; có kế hoạch cấy trà 1-2 cho những vùng cao của từng đội, nếu gặp lụt lớn cũng chỉ bị ngấm nước trong một ngày; đề ra biện pháp cứu mạ khi nước rút, cho nước ra từ từ khi rửa mạ bị ngập bùn; sau lụt cho cấy mạ ngay.

Như vậy, so với toàn huyện, Diên An cấy trước một tháng và đã thành công bước đầu trong việc ổn định thời vụ, tránh các cao điểm rầy phá hoại.

2. Các biện pháp tổng hợp phòng, trừ các loại sâu hại khác

Vệ sinh đồng ruộng là biện pháp được hợp tác xã rất quan tâm giải quyết. Toàn bộ diện tích được cấy ải trước một tháng để đập rạ ngấm ruộng sau khi cấy ải, cho san bờ, lấy bùn đắp lên toàn bộ bờ ruộng nhằm diệt các ổ trứng nhộng của sâu rầy ăn theo bờ cỏ, cắt đứt môi trường sinh sống của chúng. Tổ chức bón vôi (ruộng Diên An có độ pH từ 4 đến 4,5: một số có độ pH: 5), trên toàn bộ diện tích trước lúc cấy ải (bình quân 0,4 T/ha) nhằm diệt trứng nhộng sâu rầy còn sót trong rạ và trong ruộng.

Tổ chức mạng lưới thăm đồng, bảo vệ ruộng. Mỗi đội sản xuất có một tổ bảo vệ thực vật, chủ yếu dùng thuốc trừ. Diện tích mỗi đội chia ra 7 vùng, mỗi vùng có 1-2 cán bộ (1) chịu trách nhiệm theo dõi hàng ngày, phát hiện sâu bệnh thì tập trung phương tiện, lực lượng trừ ngay. Tổ chức phun thuốc định kỳ 7 ngày 1 lần.

Tiểu ban khoa học kỹ thuật của hợp tác xã chịu trách nhiệm xử lý giống: ngâm, ủ, xử lý thuốc faldan; các đội sản xuất nhận giống ủ sẵn về gieo tập trung. Cách làm này chẳng những chất lượng giống được bảo đảm tốt hơn mà còn tiết kiệm 7 tấn hạt giống so với trước đây giao cho từng gia đình. Bắt đầu làm thử và nhân giống kháng rầy IR 36 (3A), rút nước ruộng, giảm độ ẩm trong lúa khi có rầy xuất hiện, áp dụng tốt nhất các biện pháp về chăm sóc, giữ nước.

Kết quả vụ 3: cuối tháng 2 dương lịch đã bắt đầu gặt; khi rầy nâu rộ vào cuối tháng 2 và tháng 3 thì lúa đã gặt xong, năng suất đạt gần 4 T/ha.

Vụ 8-1979

Bước vào vụ 8, hợp tác xã Diên An tập trung sức giải quyết mấy vấn đề then chốt:

1. Đưa giống chống chịu rầy nâu vào sản xuất

Đối với vụ 8 của toàn hợp tác xã, giống là vấn đề được quan tâm đặc biệt. Vào vụ 8,

Diên An chỉ có 1 tấn IR 36 và 1,5 tấn DA.4 (2) (và một số IR 36 đôi được, nhưng với số lượng không đáng kể), như vậy còn một diện tích 80 héc-ta vẫn phải dùng các giống nhiễm rầy như IR 22, TN 73-2, IR 23... Sau khi các trà lúa này cấy xong và lúa đang phát triển tốt thì Diên An nhận được 8 tấn giống Long Định 2 (NN5A). Vấn đề đặt ra là có nên tiếp tục để lại 80 héc-ta lúa đang phát triển hay phá đi cấy lại giống NN5A. Đây là vấn đề có ý nghĩa quyết định thành công hay thất bại của vụ 8-1979. Trong chi bộ, ban quản trị hợp tác xã, tiểu ban khoa học kỹ thuật cũng như trong ủy ban nhân dân xã đã nổ ra những cuộc tranh luận, thảo luận, bàn bạc thuyết phục lẫn nhau, đã đưa đến kết quả: trong lãnh đạo và chuyên môn thống nhất hủy bỏ 80 héc-ta lúa đã cấy các giống nhiễm rầy. Nhưng khi đưa ra toàn thể xã viên thì vấp phải sự phản ứng khá mạnh mẽ (lúa cấy giống nhiễm rầy đang phát triển quá tốt). Cán bộ của hợp tác xã tiếp tục cử người xuống các đội sản xuất, giải thích, thuyết phục đến từng xã viên, nhưng cũng chỉ phá được 40 héc-ta để cấy lại giống NN5A. Kết quả của sự việc này như sau: 40 héc-ta cấy lại giống NN5A cho thu hoạch 4-5 T/ha, còn 40 héc-ta kia năng suất bình quân chỉ đạt 1,5 T/ha. Như vậy, hợp tác xã đã mất trên 100 tấn thóc. Đây là bài học quý báu cho Diên An trong việc mạnh dạn đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

2. Từng bước xây dựng một nề nếp quản lý kỹ thuật chặt chẽ.

Rút kinh nghiệm và khắc phục những tồn tại của vụ 3, hợp tác xã Diên An đã tăng cường khâu quản lý, nhất là bảo đảm thực hiện các quy trình kỹ thuật nghiêm chỉnh, chặt chẽ hơn, từng bước đưa quản lý kỹ thuật vào nề nếp. Nòng cốt cho các hoạt động này là Tiểu ban khoa học kỹ thuật của hợp tác xã: nó xây dựng các quy trình kỹ thuật cho từng giống lúa, trên từng chân ruộng; các biện pháp kỹ thuật liên hoàn từ khâu làm đất, cấy, làm cỏ, bón phân, tưới tiêu nước, phun thuốc trừ sâu v.v... được tổ chức thực hiện bảo đảm thời gian, bảo đảm chất lượng. Mỗi đội sản xuất có 1 ủy viên của Tiểu ban khoa học kỹ thuật được phân công theo dõi chặt chẽ. Những đồng chí này là người nắm vững các quy trình nói trên, luôn luôn bám

(1) Số cán bộ này rút từ đội bảo vệ thực vật, cán bộ «gián tiếp» của hợp tác xã, cán bộ của đội sản xuất.

(2) DA.4: giống lúa được chọn ở hợp tác xã Diên An thuộc đội 4, chống chịu rầy tốt, cho năng suất cao.

dòng, bám dọi, hướng dẫn, kiểm tra trong từng khâu, từng việc, uốn nắn sửa chữa bảo đảm thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật; họ tăng cường chế độ thăm đồng, hàng ngày lợi ruộng để nắm tình hình phát sinh các loại bệnh, loại sâu cũng như diễn biến của cây trồng theo từng thời gian sinh trưởng, sự thay đổi của cây lúa đối với khí hậu, thời tiết. Gặp khó khăn trở ngại là giải quyết ngay, trừ trường hợp vượt quá khả năng mới chờ trên quyết định. Nhờ vậy mà công việc ở đội được tiến hành thuận lợi, nhanh chóng, kịp thời vụ, theo đúng lịch canh tác chăm sóc cho từng trà lúa. Cuối cùng là nghiệm thu việc thực hiện quy trình kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng công việc tại từng đội sản xuất, ngay trên hiện trường, đồng ruộng. Bình quân vụ 8 này, Diên An đạt 3,8 T/ha.

Ngoài ra, Diên An còn giải quyết được vấn đề có ý nghĩa góp phần nâng cao sản lượng lúa của toàn hợp tác xã: quy hoạch lại đồng ruộng. Trước đây, cánh đồng của Đội sản xuất số 1 của hợp tác xã gồm 250 thửa to, nhỏ với kênh, mương dẫn, tháo nước phức tạp, khó khăn, vì nơi thì trũng, lầy với hồ, ao, đìa; nơi thì gò, vườn, mả mả v.v... Hợp tác xã đã xây dựng lại ở Đội I 38 thửa, mỗi thửa từ 0,5 đến 1 hecta với một hệ thống tưới, tiêu chủ động gồm 3 mương tưới, 1 mương tháo; một hệ thống giao thông thuận lợi gồm 3 đường lớn cho xe tải, 4 bờ vùng chạy xuyên giữa cánh đồng cho xe cải tiến vận chuyển phân bón, chở thóc về kho... Quy hoạch lại đồng ruộng như trên, rõ ràng, tạo thuận lợi cho việc áp dụng triệt để các điều kiện thâm canh, theo quy trình kỹ thuật (cấy đúng mật độ, làm cỏ sục bùn, bón phân đúng lúc, tưới tiêu theo khoa học; áp dụng có hiệu quả cao nhất các biện pháp tổng hợp phòng, trừ sâu hại v.v...). Năng suất vụ 8, riêng ở Đội I đạt 5 T/ha.

Vụ 10-1979

Sau thắng lợi của vụ 3 và vụ 8, hợp tác xã mạnh dạn chủ trương làm thêm vụ thứ ba - vụ 10, nhưng chỉ thực hiện được một nửa diện tích vì thiếu giống không cấy kịp thời vụ; phân hữu cơ cũng thiếu, phân hóa học rất ít, chủ yếu là phân chuồng với số lượng 4 T/ha. Tuy thiếu phân nhưng nhờ làm đất kỹ, chăm sóc tốt (làm cỏ kịp và kỹ), thời gian sinh trưởng của giống IR 36 trong vụ này chỉ 100 ngày kể cả mạ, không bị rầy nâu phá hại, hầu như không phun thuốc, số diện tích cấy đầu của vụ 10 đạt trên 30 tạ/ha, có khoảng một nửa chỉ vùi bèo hoa dâu, không phân chuồng, không phân hóa học cũng đạt 32 tạ/ha.

Kết quả thu hoạch 3 T/ha của vụ 10-1979 chứng minh: nếu chúng ta đầu tư phân bón

đầy đủ (khoảng 10 T/ha gieo trồng) thì Diên An có thể làm 3 vụ lúa, và năng suất đạt 10 tấn trên 1 héc ta gieo trồng trong cả năm là hiện thực.

Hai chương trình: tăng vụ và cây phân xanh

Trong quá trình sản xuất, Diên An rất tích cực giải quyết vấn đề phân bón. Bằng các chính sách cụ thể, giải quyết hợp lý giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, Hợp tác xã đã thu mua phân từ nhiều nguồn khác nhau. (Đó là những biện pháp cấp bách, cần thiết, nhưng dù sao cách giải quyết như trên vẫn mang tính chất tạm thời, "chữa cháy". Phải có cách giải quyết căn bản hơn, khoa học hơn).

Trên đà thắng lợi của vụ 3 và vụ 8, và kết quả bước đầu đáng phấn khởi của việc làm thử vụ 10, Diên An quyết tâm và tập trung sức vào hai chương trình: chương trình tăng vụ (thêm vụ 10) và chương trình cây phân xanh.

Về phân hữu cơ, nếu được khai thác triệt để khả năng của địa phương cũng chỉ đạt 1000 T cho vụ, vậy ít nhất còn thiếu 1000 T/vụ. Do đó chỉ có con đường: trồng cây phân xanh. Và cây bèo dâu cũng với diện tích được chọn để đưa vào chương trình thực nghiệm.

Từ bèo hoa dâu hoang dại sẵn có, hợp tác xã chọn lọc lại và bắt đầu thực hiện từ 11-8-1979; sau 55 ngày, từ 4 m² phát triển thành 4 héc ta, vớt được 50 Tấn. Như vậy diện tích bèo phát triển 200 lần, chất xanh tăng 300 lần. Bèo tía chịu được nhiệt độ cao, trong mùa hè, trên 40°C. Trong những ngày nhiệt độ cao, bèo có chuyển màu nhưng tốc độ sinh trưởng vẫn bình thường. Tháng 2 trở đi bèo phát triển thuận lợi hơn, năng suất 40-64 T/ha; từ tháng 8 đến tháng 10 năng suất đạt 30-40 T/ha; trong thời gian của các tháng 2-3 v.v... cứ 3 ngày tăng gấp đôi, năng suất 1 tháng thu được 64 T/ha.

Diên An có hiệu quả kinh tế cao; trong điều kiện chăm sóc bình thường, 1 ha gieo diên thanh sau 2 tháng thu hoạch lượng phân từ 7-10T. Trồng diên thanh ít tốn công lao động, đầu tư vật chất kỹ thuật ít mà có sản lượng cao. Hợp tác xã Diên An hiện có 6 héc ta diên thanh giống đang vào giai đoạn ra hoa và kết hạt.

Với đặc điểm tình hình ruộng đất của ta hiện nay, thâm canh tăng vụ là một hướng chiến lược có ý nghĩa quyết định. Tăng vụ đối với Hợp tác xã Diên An, cụ thể là thêm vụ 10. Tất nhiên, chương trình tăng vụ bao gồm nhiều nội dung cần phải được giải quyết một cách căn bản, nhưng phân bón là khâu quyết định trước tiên, là cơ sở khoa học cho nhiệm vụ tăng vụ của Diên An.

Về chăn nuôi gia súc, gia cầm

Một phương hướng phấn đấu khác của Diên An là đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, từng bước tạo ra thế cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi.

Hợp tác xã đã có một số chế độ, chính sách khuyến khích mạnh chăn nuôi heo, gà... Riêng về heo, Diên An chủ trương phát triển và giữ vững đàn nái, tăng số lượng đàn con ở khu vực chăn nuôi tập thể (hợp tác xã) đồng thời có chính sách cụ thể khoán cho gia đình xã viên nuôi nái. Theo chính sách của tỉnh, hợp tác xã cụ thể hóa thêm, vận dụng vào địa phương mình để khuyến khích, tạo thuận lợi cho gia đình xã viên nhận khoán: giảm nghĩa vụ đất vườn cho người nuôi nái; giao trước một nửa số lương thực, thức ăn gia súc; lơn chết vì bệnh (sau kiểm tra, kết luận chính xác nguyên nhân khách quan) được hợp tác xã bù cho con giống khác; một phần ba số lợn con thuộc quyền sở hữu của người nuôi nái và giải quyết bằng cách: hợp tác xã thu mua hết bằng lương thực hoặc mua theo

giá thỏa thuận rồi phân phối lại theo giá chỉ đạo cho xã viên nuôi.

Công tác thú y cũng được hợp tác xã coi trọng, có chế độ định kỳ tiêm phòng dịch, bệnh cho heo, gà...; đặc biệt, Diên An còn tiến hành xây dựng thành « xã miễn dịch ».

Bước vào năm 1980, Hợp tác xã Diên An tiếp tục điều tra cơ bản; quy hoạch lại thủy lợi, giao thông; cải tạo đồng ruộng; xác định cơ cấu giống cho cây lương thực, cây phân xanh, dành 25 héc ta cho đội chuyên giống; xây dựng chế độ luân canh tăng vụ; thực hiện cơ giới hóa, máy bơm nước hoạt động bằng quạt gió, bơm nước chạy bằng than; phục hồi máy làm sạch; tăng cường quản lý kỹ thuật, mạnh dạn áp dụng kỹ thuật tiến bộ, thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, xã viên về khoa học kỹ thuật, phát triển thêm cơ sở vật chất kỹ thuật cho nghiên cứu thí nghiệm, cho chăn nuôi, làm phân..

Quản lý trên cơ sở...

(Tiếp theo trang 6)

cùng của những công trình nghiên cứu. Tất cả các cán bộ khoa học cần phải hiểu rõ phương pháp tiếp cận, phương thức kế hoạch hóa này.

Chúng ta chỉ có thể đạt được những thành tựu to lớn nhất trong việc chuyển hệ thống quản lý nghiên cứu hiện nay sang hệ thống quản lý mới dựa trên cơ sở các chương trình khoa học — kỹ thuật tổng hợp, nếu chúng ta cải tiến được hoạt động của tất cả các mắt xích trong hệ thống quản lý (từ khâu kế hoạch hóa, cơ cấu quản lý đến các vấn đề kinh tế, xã hội) nếu chúng ta biết kết hợp một cách hợp lý những động lực khuyến khích vật chất và tinh thần.

35 năm hoạt động...

(Tiếp theo trang 11)

sang nghiên cứu có mục tiêu, có quy hoạch! và muốn vậy cần phải chăm lo phát triển tiềm lực nghiên cứu khoa học.

— Cần tăng cường công tác thông tin khoa học để cho đồng đảo quần chúng khoa học kỹ thuật biết chúng ta đang có những vấn đề gì, đang tiến hành nghiên cứu ra làm sao, đã đạt được những kết quả gì, sẽ tiếp tục ra làm sao...

— Cần tổ chức công tác nghiên cứu triển khai, chủ yếu là giải quyết nguồn vốn cho công tác này: cho đến nay Nhà nước không bỏ vốn, mà các cơ sở sản xuất cũng chưa có nguồn vốn, chưa xác định được quỹ phát triển sản xuất.